

Bảng dữ liệu sản phẩm

1146 Series — BÁNH XE ĐÔI CÀNG NHỰA ASCENDANT

Bánh xe hiệu ứng đầy đủ bóng đôi (cửa sổ màu xám đậm - nắp lớn) Đường kính bánh xe × Chiều rộng bánh

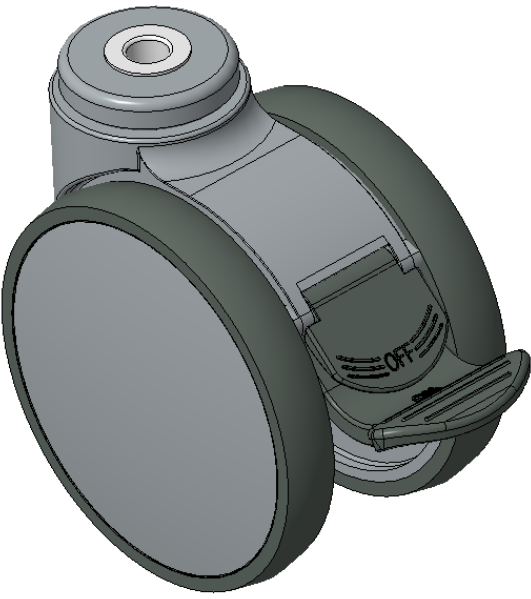
EAN

KS-11460500459163

Bánh xe dài phanh kép, chân polyamide rỗng tán đinh—rỗng 12,2  
Chân cửa sổ màu xám làm bằng vật liệu gia cố polyamide  
Chống gỉ, chống ăn mòn, thẩm mỹ, tiết kiệm và xoay linh hoạt  
Lõi bánh xe bằng polypropylen chống va đập, bề mặt bánh xe bằng nhựa nhiệt dẻo đàn hồi (TPR)  
Vòng bi bánh xe màu xám đậm—vòng bi chính xác

Bề mặt bánh xe: Cao su nhiệt dẻo đàn hồi (TPR)  
Lõi bánh xe: Được làm bằng polypropylen chống va đập chất lượng cao

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

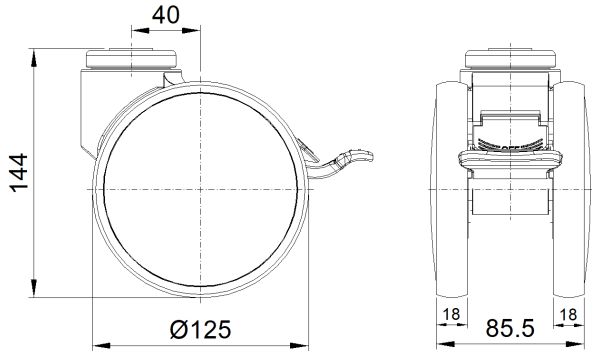
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 125mm                       |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 85.5mm                      |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| đường kính rivethead trống                                                | 12.2mm                      |
| Độ lệch tâm                                                               | 40mm                        |
| Sự can thiệp quay                                                         | 282mm                       |
| Tổng chiều cao                                                            | 144mm                       |
| Bán kính xoay                                                             | 141mm                       |
| Độ cứng                                                                   | 72±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                                                          | 110kgs                      |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 165kgs                      |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +60°C              |
| Càng bánh xe                                                              | Khóa đôi                    |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                                                   | 0.82kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22881                    |

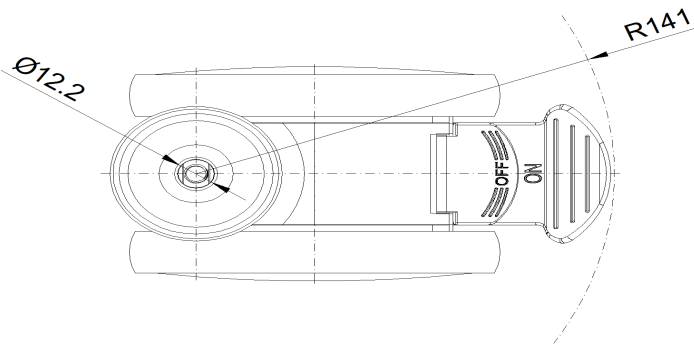
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | • • • • • |
| Chế độ im lặng       | • • • • • |
| Bảo vệ mặt sàn       | • • • • • |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước lỗ trơn/ lỗ giữa



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét